

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022 và cập nhật kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Căn cứ quyết định số 103/QĐ-HĐTV ngày 20/09/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh và dịch vụ khách hàng giai đoạn 2021-2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-EVN ngày 14/02/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng - tài chính năm 2022 cho Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội (EVNHANOI);

Căn cứ quyết định số 1622/QĐ-EVN ngày 23/11/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2022;

Căn cứ quyết định số 1639/QĐ-EVN ngày 23/11/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao giá bán buôn điện cho Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 1664/QĐ-EVN ngày 28/11/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng điều chỉnh năm 2022;

Căn cứ quyết định số 1682/QĐ-EVN ngày 29/11/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao kế hoạch tài chính năm 2022;

Căn cứ quyết định số 1849/QĐ-EVN ngày 31/12/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng – tài chính năm 2023;

Căn cứ kế hoạch số 3550/KH-EVNHANOI ngày 04/06/2021 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại văn bản số 7273/EVN-KH ngày 22/12/2022 về việc cập nhật các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, ĐTPT 5 năm 2021-2025, Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội kính báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

1. Tình hình cung ứng điện

Trong năm 2022, EVNHANOI đã đảm bảo đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định, chất lượng phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của Trung ương và Thủ đô; nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn TP Hà Nội, góp phần vào sự phục hồi và phát triển kinh tế TP Hà Nội sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

1.1 Điện đầu nguồn

- Sản lượng điện mua đầu nguồn năm 2022 đạt 23.153,35 triệu kWh tăng 7,34% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

Bảng 1. Tỷ trọng điện đầu nguồn 3 giá

STT	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	
		Thực hiện	So sánh 2022-2021
Đầu nguồn	Tr.kWh	23.153,35	+7,34%
<i>Cao điểm</i>	%	22,69%	+0,24%
<i>Bình thường</i>	%	57,90%	+0,75%
<i>Thấp điểm</i>	%	19,44%	+0,51%

- Tỷ trọng mua điện giờ cao điểm thực hiện năm 2022 cao hơn thực hiện năm 2021 và năm 2020 nguyên nhân do năm 2022 dịch Covid-19 đã được kiểm soát, các hoạt động kinh tế xã hội dần hồi phục. Các ngành kinh doanh dịch vụ chủ yếu sử dụng điện vào giờ cao điểm, các cơ sở sản xuất cũng hoạt động trở lại làm cho nhu cầu sử dụng điện giờ cao điểm tăng.

1.2 Điện thương phẩm

- Điện thương phẩm năm 2022 đạt 22.249,82 triệu kWh tăng 7,62% so với năm 2021 và đạt 101,74 % kế hoạch EVN giao (KH EVN giao là 21.870 triệu kWh). Trong đó:

Bảng 2. Điện thương phẩm theo thành phần phụ tải

TT	Thành phần thương phẩm (tr.kWh)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện năm 2022	
			Thực hiện	So sánh 2022-2021
	Thương phẩm		22.249,82	+7,62%
1	Nông Nghiệp	2,09	465,12	-3,28%
2	Công Nghiệp	29,34	6.528,65	+7,86%

3	Thương Nghiệp	6,73	1.496,48	+28,26%
4	Quản lý và tiêu dùng	55,44	12.335,83	+4,70%
5	Hoạt động khác	6,40	1.423,74	+19,39%

1.3 Tổn thất điện năng

- Trong giai đoạn vừa qua, EVNHANOI đã nỗ lực thực hiện các giải pháp giảm tổn thất điện năng trên lưới phân phối từ 5,71% năm 2015 xuống còn 3,55% năm 2021. Với sự quyết tâm của Ban Chỉ đạo giảm tổn thất điện năng Tổng công ty và sự nỗ lực của các đơn vị, năm 2022 tỷ lệ tổn thất điện năng đạt 3,35%, tiệm cận với mức tổn thất kỹ thuật, giảm 0,20% so với năm 2021 và giảm 0,20% so với kế hoạch EVN giao, vượt kế hoạch giai đoạn năm 2021-2025.

Bảng 3. Tổn thất điện năng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện 2022	Thực hiện so với kế hoạch	So sánh 2022-2021
Tổn thất theo phiên GCS	%	3,55	3,35	-0,20	-0,20

1.4 Giá bán điện bình quân

Giá bán điện bình quân năm 2022 đạt 2.084,22 đ/kWh tăng 37,59 đ/kWh so với năm 2021, giảm 4,78 đồng/kWh so với kế hoạch EVN giao.

Bảng 4. Giá bán điện bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện 2022	Thực hiện so với kế hoạch	So sánh 2022-2021
Giá bán điện bình quân	đ/kWh	2.089	2.084,22	-4,78	+37,59

- Tổng công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao giá bán điện bình quân tuy nhiên giá bán điện bình quân chưa đạt kế hoạch được giao do thời tiết các tháng mùa hè 5, 6, 7 năm 2022 nhiệt độ thấp hơn năm 2021. Đặc biệt trong tháng 5 xuất hiện gió mùa đông bắc làm nhiệt độ giảm mạnh, điện năng thương phẩm thành phần quản lý tiêu dùng tăng trưởng thấp làm giảm giá bán điện bình quân.

1.5 Độ tin cậy cung cấp điện

Bảng 5. Độ tin cậy cung cấp điện (bộ chỉ số phân phối)

Chỉ số	Chỉ tiêu giao	Năm 2022	So với năm 2021	So với KH (%)
MAIFI (lần)	1,88	1,62	-0,19	86,17
SAIDI (phút)	165	87,26	-75,84	52,88
SAIFI (lần)	0,95	0,92	-0,06	96,84
CAIDI (phút)	197,9	94,79	-71,47	47,90
CAIFI (lần)	3,46	1,97	0,09	56,94

Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục hoàn thành vượt chỉ tiêu EVN giao về độ tin cậy cung cấp điện theo bộ chỉ số phân phối.

1.6 Suất sự cố lưới điện

Bảng 6. Suất sự cố lưới điện 110 kV

Lưới điện 110kV	Số vụ sự cố			Suất sự cố		
	2021	2022	So sánh 2022/2021	Kế hoạch	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
Thoáng qua đường dây (vụ/100km đường dây)	4	1	-3	0,400	0,094	23,5
Kéo dài đường dây (vụ/100km đường dây)	2	1	-1	0,540	0,094	17,4
Trạm biến áp (vụ/TBA)	1	1	0	0,100	0,019	18,5

Trong năm 2022, do thực hiện tốt công tác quản lý vận hành, Tổng công ty chỉ xảy ra 2 vụ sự cố đường dây và 01 vụ TBA. Tổng công ty tiếp tục hoàn thành vượt chỉ tiêu EVN giao về suất sự cố lưới điện 110kV.

2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu năng suất lao động

Bảng 7. Lao động SXKD điện và năng suất lao động

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện năm 2022	So sánh với KH giao
Kế hoạch lao động SXKD điện (người)	6.507	6.516	100,15%
Sản lượng điện thương phẩm (Triệu kWh)	21.870	22.249,8	101,74%

Số lượng khách hàng (KH)	2.830.545	2.800.847	99,03%
NSLĐ theo điện thương phẩm (tr kWh/người/năm)	3,36	3,41	101,49%
NSLĐ theo khách hàng (KH/người/năm)	435	430	98,9%

- Năm 2022, EVNHANOI đã nỗ lực thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động như tăng cường quản lý, sử dụng lao động hiệu quả, hạn chế tối đa tuyển dụng lao động, giải quyết lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi. Chỉ tiêu lao động SXKD điện năm 2022 đạt 6.516 người (vượt kế hoạch EVN giao 9 người). Nguyên nhân lao động SXKD điện không đạt kế hoạch do lao động nghỉ hưu sớm là 11 người, giảm 9 người so với kế hoạch.

- Chỉ tiêu NSLĐ theo khách hàng sử dụng điện đạt 430 khách hàng/ lao động, đạt 98,9% kế hoạch EVN giao. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid 19, một số tòa chung cư chậm tiến độ bàn giao cho khách hàng do đó số lượng khách hàng năm 2022 không đạt kế hoạch giao (Chi tiết Tổng công ty đã báo cáo EVN tại văn bản số 9056/EVNHANOI-TCNS ngày 19/12/2022).

3. Kết quả SXKD năm 2022

3.1 Kết quả SXKD năm 2022

Bảng 8: Kết quả thực hiện SXKD năm 2022

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021 (Sau kiểm toán)	KH EVN giao năm 2022	UTH năm 2022	So sánh KH/TH	
						(+/-)	(%)
1	Tỷ lệ tổn thất	%	3,55	3,55	3,35	(0,20)	94,42%
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	20.674,89	21.869,30	22.249,82	380,52	101,74%
3	Giá bán điện bình quân	đồng/kWh	2.046,62	2.089,00	2.084,22	(4,78)	99,77%
5	Tổng doanh thu điện	tỷ đồng	42.555	45.891	46.585	694	101,51%
5.1	Doanh thu SXKD điện	tỷ đồng	42.314	45.685	46.373	688	101,51%
5.2	Doanh thu CS phản kháng	tỷ đồng	46	46	46	0	100,62%
5.3	Doanh thu lãi tiền gửi	tỷ đồng	196	160	165	5	103,15%
6	Tổng chi phí SXKD điện	tỷ đồng	42.279	45.891	46.580	689	101,50%
6.1	Chi phí mua điện	tỷ đồng	34.161	37.765	38.419	655	101,73%
6.1.1	- Chi phí điện mua nội bộ	tỷ đồng	30.848	34.314	35.356	1.042	103,04%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021 (Sau kiểm toán)	KH EVN giao năm 2022	UTH năm 2022	So sánh KH/TH	
						(+/-)	(%)
6.1.2	- Chi phí mua điện từ thị trường điện	tỷ đồng	3.276	3.392	3.028	(364)	89,27%
6.1.3	- Chi phí mua điện mặt trời	tỷ đồng	37	58	35	(23)	60,05%
6.2	Chi phí phân phối	tỷ đồng	8.119	8.126	8.161	35	100,43%
7	Lợi nhuận điện	tỷ đồng	276	-	5	5	
8	Lợi nhuận SXK + tài chính khác	tỷ đồng	31	-	33	33	
9	Tổng lợi nhuận	tỷ đồng	307	-	38	38	

- Căn cứ quyết định số 1639/QĐ-EVN ngày 23/11/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao giá bán buôn điện cho Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội; kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 lãi 38 tỷ đồng, trong đó hoạt động sản xuất kinh doanh điện dự kiến lãi 5 tỷ đồng; hoạt động sản xuất khác và tài chính lãi 33 tỷ đồng, đạt lợi nhuận EVN giao tại Quyết định số 1682/QĐ-EVN ngày 29/11/2022.

- Tổng công ty đã áp dụng đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu, giảm chi phí để tạo nguồn chi phí tiền lương cho người lao động năm 2022 bằng 95% mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2021, tương ứng ước thực hiện chi phí tiền lương 1.569 tỷ đồng/kế hoạch giao trong giá bán điện nội bộ 1.465 tỷ đồng **tăng 104 tỷ đồng**. Kết quả thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

+ Tăng sản lượng điện thương phẩm 380,52 triệu kWh so với KH giao tương ứng **tăng lợi nhuận khoảng 132 tỷ đồng**. Bù đắp giá bán điện bình quân thực hiện đạt 2.084,22 đồng/kWh, thấp hơn kế hoạch EVN giao là 4,78 đồng/kWh, tương ứng **giảm lợi nhuận Tổng công ty khoảng 106 tỷ đồng**.

+ Giảm tỷ lệ tổn thất 0,2% so với KH giao tương ứng **tăng lợi nhuận Tổng công ty khoảng 8 tỷ đồng**.

+ Tăng cường công tác quản trị dòng tiền tăng doanh thu lãi tiền gửi (thực hiện 165 tỷ/kế hoạch Tập đoàn giao 160 tỷ, tăng 5 tỷ), tương ứng **tăng lợi nhuận Tổng công ty 5 tỷ đồng**.

+ Tiết giảm tối đa các loại chi phí phân phối chưa bao gồm quỹ tiền lương (ước thực hiện 6.641 tỷ đồng/kế hoạch Tập đoàn giao 6.660 tỷ đồng, giảm 19 tỷ đồng so với kế hoạch Tập đoàn giao), tương ứng **tăng lợi nhuận Tổng công ty 19 tỷ đồng**.

+ Mặc dù đã sử dụng tất cả các giải pháp, tuy nhiên để tạo nguồn tiền lương cho người lao động Tổng công ty vẫn thiếu hụt 48 tỷ đồng. Do đó, Tổng công ty cân đối phân bổ chi phí công tơ đảm bảo thời gian phân bổ công tơ không quá 5 năm theo quy định tại văn bản số 7088/EVN-TCKT ngày 19/11/2021

của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Cụ thể, dùng phân bổ vào giá thành năm 2022 chi phí công tơ sản xuất kinh doanh phát sinh năm 2021 với giá trị 50 tỷ đồng tương ứng **tăng lợi nhuận Tổng công ty 50 tỷ đồng**.

3.2 Kết quả thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn

Tính đến ngày 31/12/2022, EVNHANOI còn đầu tư, góp vốn tại 3 công ty với tổng số tiền là 11,5 tỷ đồng, trong đó:

+ 1 công ty con là Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển điện lực Hà Nội (EDCHANOI)

+ 2 công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác là Công ty CP tư vấn xây dựng điện lực Hà Nội (HAPEC), Công ty CP EVN Quốc Tế (EVNI).

Bảng 9: Tình hình thực hiện cổ phần hóa

	Tên công ty	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Vốn góp (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP EVN Quốc Tế (EVNI)	366,8	7,2	1,96
2	Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển điện lực Hà Nội (EDCHANOI)	6,0	3,1	51,36
3	Công ty CP tư vấn xây dựng điện lực Hà Nội (HAPEC)	6,3	1,3	20,00
	Tổng cộng	379,1	11,6	

Thực hiện chỉ đạo của EVN tại các văn bản số 358/NQ-HĐTV ngày 28/7/2021 và văn bản 4636/EVN-QLV ngày 02/08/2021 về việc xử lý sở hữu chéo trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, EVNHANOI đã thực hiện ký kết hợp đồng ủy quyền với EVNCPC để thoái vốn của EVNHANOI tại EVNI, số hợp đồng 01/EVNI/2022/HĐ-EVNHANOI-EVNCPC ngày 26/04/2022. EVNHANOI tiếp tục phối hợp với EVNCPC để triển khai các bước tiếp theo.

4. Công tác đầu tư xây dựng

4.1 Khối lượng thực hiện và giải ngân

Căn cứ quyết định số 1664/QĐ-EVN ngày 28/11/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao kế hoạch ĐTXD điều chỉnh năm 2022:

- Giá trị khối lượng đầu tư thuần thực hiện 4.564,4 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch điều chỉnh EVN giao.
- Giá trị giải ngân đầu tư thuần thực hiện 4.544,1 tỷ đồng, đạt 99,6% kế hoạch điều chỉnh EVN giao.

Bảng 10. Khối lượng thực hiện, giải ngân

TT	Hạng mục	Kế hoạch điều chỉnh (tỷ đồng)	Năm 2022			
			Giá trị thực hiện (tỷ đồng)		Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	
			TH	SS TH/KH (%)	TH	SS TH/KH (%)
	Đầu tư thuần	4.564,387	4.564,387	100%	4.544,077	99,6%
1	Lưới điện 220kV	44,504	44,504	100%	44,504	100%
2	Lưới điện 110kV	1.229,002	1.229,002	100%	1.218,786	99,2%
3	Lưới điện phân phối	2.897,671	2.897,671	100%	2.897,671	100%
4	Công trình khác	393,210	393,210	100%	383,115	97,4%

4.2 Kế hoạch khởi công, đóng điện

4.2.1 Khởi công

Năm 2022 EVNHANOI khởi công 07 công trình (01 công trình lưới điện 220kV và 06 công trình lưới điện 110kV) đạt 100% kế hoạch EVN giao điều chỉnh gồm:

- + Lắp bổ sung MBA T3 trạm 110kV Công viên Thủ Lệ (7/1/2022)
- + Xây dựng mới tuyến cáp ngầm từ trạm 110kV Nghĩa Đô đến trạm 110kV Công viên Thủ Lệ (20/3/2022)
- + Lắp bổ sung T3 TBA 110kV E1.25 Mỹ Đình (25/9/2022)
- + Xây dựng mới trạm 220/110 kV Thanh Xuân (21/12/2022)
- + Xây dựng mới TBA 110kV Ngọc Thụy và nhánh rẽ (24/12/2022)
- + Nhánh rẽ Tây Hồ Tây - mạch 2 (14/12/2022)
- + Trạm biến áp 110kV Tây Hồ Tây và nhánh rẽ ĐD 110kV (28/12/2022)

4.2.2 Đóng điện

Năm 2022 EVNHANOI đóng điện 09 công trình lưới điện 110kV đạt 90% kế hoạch EVN giao điều chỉnh. Năng lực thiết bị đưa vào vận hành khoảng 584MVA và 41,3km dây dẫn. Trong đó:

- + Xây dựng mới trạm 110kV Mỹ Đức và nhánh rẽ (30/6/2022)
- + Trạm biến áp 110kV Công Viên Thủ Lệ (23/12/2022)
- + Lắp bổ sung MBA T3 trạm 110kV Công viên Thủ Lệ (23/12/2022)
- + Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Trâu Quỳ và nhánh rẽ (2/12/2022)
- + Đoạn cáp ngầm 110kV thuộc dự án TBA 110kV Minh Khai và nhánh rẽ (28/12/2022)
- + Xây dựng mới trạm biến áp 110kV CNC 2 và nhánh rẽ (28/12/2022)

- + Xây dựng mới trạm 110kV Thạch Thất 2 và nhánh rẽ (30/12/2022)
- + Xây dựng mới trạm 110kV Hồng Dương và nhánh rẽ (23/12/2022)
- + Xây dựng mới tuyến cáp ngầm từ trạm 220kV Tây Hồ đến trạm 110kV Nhật Tân (10/12/2022)

Đối với công trình “Trạm biến áp 110kV Chương Mỹ và Đường dây 110kV Thanh Oai -Chương Mỹ” do vướng mắc trong công tác đền bù GPMB 04 vị trí cột trên địa bàn quận Hà Đông và 15 vị trí cột trên địa bàn huyện Thanh Oai, Tổng công ty dự kiến đóng điện trong năm 2023.

4.2.3 Chuẩn bị đầu tư

Bảng 11. Tình hình chuẩn bị đầu tư năm 2022

TT	Nội dung	Kế hoạch EVN giao	Thực hiện 2022	Thực hiện sau năm 2022
1	Phê duyệt BC NCKT	2		2
2	Phê duyệt TKKT	8	6	2
	Tổng cộng	10	6	4

a) Theo kế hoạch EVN giao

Trong năm 2022, Tổng công ty phê duyệt TKKT cho 06 công trình gồm:

- + Xây dựng tuyến đường dây 220kV từ trạm biến áp 500/220kV Tây Hà Nội đi trạm biến áp 220kV Thanh Xuân
- + Xây dựng mới TBA 110kV Ngọc Thụy và nhánh rẽ
- + Nhánh rẽ Tây Hồ Tây - mạch 2
- + Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV lộ 172,173 E10.5 Xuân Mai đi trạm biến áp E1.35 Sơn Tây.
- + Lắp bổ sung MBA T2 TBA 110kV Sóc Sơn 2
- + Lắp đặt bổ sung máy biến áp T2 – trạm 110kV Chương Mỹ

b) Dự kiến phê duyệt sau năm 2022 (04 công trình)

EVNHANOI dự kiến phê duyệt trong năm 2023: (i) Báo cáo NCKT đối với 02 công trình: Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Hà Đông đi trạm biến áp 110kV Văn Đình, Xây dựng đường dây 110kV mạch kép và cải tạo trạm 110kV E1.17 Bắc Thăng Long để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện; (ii) TKKT đối với 02 công trình: Xây dựng mới các xuất tuyến 110kV từ trạm biến áp 220/110kV Văn Điển; Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Văn Đình đi trạm biến áp 110kV Tía. Nguyên nhân do khó khăn trong việc hoàn thiện xin chấp thuận chủ trương đầu tư theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

5. Công tác sửa chữa cải tạo lưới điện

Năm 2022, Tổng công ty được Tập đoàn giao kế hoạch chi phí sửa chữa lớn với giá trị 667,430 tỷ đồng, trong đó đã tiết giảm 20% chi phí sửa chữa lớn theo định mức. Thực hiện chỉ đạo của EVN tại văn bản số 324/TB-EVN ngày 24/6/2022 về việc tiết giảm chi phí, Tổng công ty đã yêu cầu các đơn vị rà soát danh mục sửa chữa lớn, phân đầu ước cả năm 2022 tiết kiệm thêm 10% so với kế hoạch EVN giao.

Nhằm tối ưu hóa chi phí theo chủ trương của EVN, Tổng công ty chủ động giao đơn vị tự thực hiện 120 công trình/hạng mục sửa chữa lớn. Việc tự thực hiện công tác sửa chữa lớn tại các đơn vị đã tiết kiệm các chi phí chung, lợi nhuận định mức,... góp phần thực hiện tối ưu hóa chi phí trong Tổng công ty cũng như nâng cao thu nhập của Khối dịch vụ điện lực.

Mặt khác để đảm bảo tiết kiệm chi phí sửa chữa lớn, Tổng công ty tận dụng tối đa VTTB thu hồi.

Năm 2022 Tổng công ty hoàn thành 312 công trình SCL với chi phí sửa chữa lớn đạt 578,339 tỷ đồng, tiết giảm 39,3% so với chi phí định mức.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1 Các chỉ tiêu kinh doanh điện năng

1.1.1 Điện thương phẩm

** Cơ sở tính toán:*

- Căn cứ theo số liệu thực hiện điện thương phẩm của các năm trước để xây dựng nhu cầu điện năng thương phẩm của giai đoạn những năm tiếp theo. Thống kê so sánh về tình hình thực hiện so với cùng kỳ năm trước, xác định được tỷ lệ tăng trưởng thực hiện. Bên cạnh đó, căn cứ theo diễn biến của các giai đoạn liên kế, tình hình thời tiết, tình hình phát triển kinh tế xã hội và phân đầu thực hiện theo kế hoạch EVN giao cả năm. Xác định được tỷ lệ tăng trưởng giai đoạn xem xét khả năng kế hoạch của EVN để dự báo kế hoạch của các năm tiếp theo.

- Trong giai đoạn 5 năm từ 2010÷2015 tăng trưởng trung bình toàn Tổng công ty đạt 9,7%. Giai đoạn 5 năm tiếp theo từ 2016÷2020 tăng trưởng trung bình đạt 7,26%. Năm 2020, 2021 sản lượng điện thương phẩm sụt giảm là do ảnh hưởng của dịch Covid -19. Năm 2020 thương phẩm tăng trưởng 2,63%, năm 2021 thương phẩm tăng trưởng 3,6%. Năm 2022 nền kinh tế dần hồi phục trở lại trạng thái bình thường mới thương phẩm tăng trưởng 7,62%. Giai đoạn tiếp theo, EVNHANOI sẽ phải cung cấp điện đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế xã hội Thủ đô với tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm phân đầu đạt 6,5÷7,0%/năm cao hơn mức tăng trưởng bình quân GDP của cả nước và tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. **Do đó EVNHANOI đề xuất 02**

phương án: Phương án Cao trong trường hợp diễn biến thuận lợi (các ngành sản xuất kinh doanh dịch vụ phục hồi hoạt động ổn định trở lại, các tháng mùa hè thời tiết nắng nóng) điện thương phẩm sẽ đạt mức tăng trưởng trung bình là 6,49%. Trường hợp diễn biến không thuận lợi, Phương án cơ sở dự kiến tăng trưởng trung bình đạt 5,58%.

** Phương án cơ sở*

Bảng 12. Dự kiến kế hoạch thương phẩm (phương án cơ sở)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Thương phẩm (triệu kWh)	20.674,89	22.249,82	22.850	24.779,18	26.241,15

** Phương án cao*

Bảng 13. Dự kiến kế hoạch thương phẩm (phương án cao)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Thương phẩm (triệu kWh)	20,674,89	22.249,82	22.850	25.488,49	27.374,63

1.1.2 Điện đầu nguồn

Để đáp ứng dự kiến điện thương phẩm, Tổng công ty dự kiến sản lượng điện mua của đầu nguồn như sau:

** Phương án cơ sở*

Bảng 14. Dự kiến kế hoạch điện đầu nguồn (phương án cơ sở)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Đầu nguồn (triệu kWh)	21.569,19	23.153,35	23.820,59	25.816,04	27.322,62

** Phương án cao*

Bảng 15. Dự kiến kế hoạch điện đầu nguồn (phương án cao)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Đầu nguồn (triệu kWh)	21.569,19	23.153,35	23.820,59	26.555,03	28.502,82

1.1.3 Tổn thất điện năng

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2022, Tổng công ty phân đầu thực hiện chỉ tiêu tổn thất điện năng theo lộ trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội tại Quyết định số 103/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2021. Cụ thể như sau:

Bảng 16. Dự kiến kế hoạch tổn thất điện năng

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Tổn thất (%)	3,55	3,35	3,50	3,45	3,40

1.1.4 Giá bán điện bình quân

** Cơ sở tính toán:*

Trên cơ sở thương phẩm dự kiến giai đoạn 2021-2025, mức tăng trưởng giá bán điện bình quân giai đoạn 2015-2020 theo đơn giá quy định của Thông tư 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014, Thông tư 25/2018/TT-BCT ngày 12/9/2018, Thông tư 06/2021/TT-BCT ngày 6/8/2021 và Quyết định 648/QĐ-BCT ngày 20/03/2019, từ đó tính toán tăng trưởng giá bán điện bình quân của các năm kế tiếp.

Bảng 17. Dự kiến giá bán điện bình quân

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Giá bán BQ (đ/kWh)	2.046,62	2.084,22	2.084,0	2093,01	2.098,2

** Ghi chú: Số liệu giá bán điện bình quân ước tính chưa xem xét đến sửa đổi Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg về cơ cấu giá bán lẻ điện.*

1.2 Các chỉ tiêu dịch vụ khách hàng

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2022, Tổng công ty phân đấu thực hiện các chỉ tiêu dịch vụ khách hàng theo lộ trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội tại Quyết định số 103/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2021.

*1.3 Các chỉ tiêu kỹ thuật vận hành**1.3.1 Độ tin cậy cung cấp điện*

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2022, Tổng công ty phân đấu thực hiện chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện theo lộ trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội tại Quyết định số 103/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2021. Cụ thể như sau:

Bảng 18. Dự kiến kế hoạch độ tin cậy cung cấp điện

	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
MAIFI	Lần	1,81	1,62	1,83	1,77	1,72
SAIDI chỉ tiêu	Phút	163,10	87,26	140	120	100
SAIDI phân đấu	Phút			90	80	70
SAIFI	Lần	0,98	0,92	0,90	0,86	0,81

CAIDI	Phút	166,26	94,79	203,03	208,1	214,8
CAIFI	Lần	1,88	1,97	3,28	3,12	2,96

1.3.2 Suất sự cố lưới điện

Bảng 19. Dự kiến kế hoạch suất sự cố lưới điện

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
SSC thoáng qua	0,387	0,094	0,400	0,400	0,400
SSC kéo dài	0,193	0,094	0,529	0,519	0,505
SSC TBA	0,019	0,019	0,100	0,100	0,100

1.3.3 Công tác an toàn

- Không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng do lỗi chủ quan trong công tác quản lý vận hành.
- 100% các CBCNV được huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, an toàn điện và an toàn khác theo quy định.
- Xử lý giảm thiểu 30% số vụ vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp.
- Giảm đến mức thấp nhất số vụ cháy nổ trên thiết bị lưới điện do lỗi chủ quan.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn

2.1 Công tác đầu tư xây dựng

2.1.1 Các mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư xây dựng

- Tổng công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo Quy hoạch phát triển điện lực được duyệt cho giai đoạn 2021-2025 với tổng nhu cầu đầu tư thuần 23.176,9 tỷ đồng.
- Khối lượng xây dựng các hạng mục lưới điện trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến như sau:

Bảng 20. Dự kiến khối lượng đầu tư thuần giai đoạn 2021-2025

Lưới điện	Đầu tư thuần (tỷ đồng)
Lưới điện 220kV	2.358,1
Lưới điện 110kV	5.940,3
Lưới điện phân phối trung, hạ thế	12.313,0
Đầu tư khác	2.565,4

a. Lưới điện 220kV

- Thực hiện đầu tư, đưa vào vận hành 05 công trình/ 03 TBA/ 06 MBA với năng lực tăng thêm là 1.500MVA và 101 km dây dẫn. Giá trị ĐTXD khoảng 2.358 tỷ đồng gồm :

- + Xây dựng mới trạm 220/110 kV Đại Mỗ và nhánh rẽ 220 kV (dự kiến hoàn thành năm 2024)
- + Xây dựng mới trạm 220/110 kV Thanh Xuân (dự kiến hoàn thành năm 2024)
- + Xây dựng tuyến đường dây 220kV từ trạm biến áp 500/220kV Tây Hà Nội đi trạm biến áp 220kV Thanh Xuân (dự kiến hoàn thành năm 2024)
- + Xây dựng mới TBA 220/110kV Hòa Lạc và trạm nối cấp 110kV/22kV (dự kiến hoàn thành năm 2025)
- + Xây dựng mới đường dây 220kV cấp điện cho trạm 220/110kV Hòa Lạc và các xuất tuyến 110kV (dự kiến hoàn thành năm 2025)

b. Lưới điện 110kV

- Thực hiện đầu tư 45 công trình nâng cao năng lực truyền tải lưới điện với năng lực thực hiện là 2.969 MVA và 324,4 km dây dẫn (năng lực tăng thêm 2.866 MVA và 219,8 km dây dẫn). Giá trị ĐTXD thuần khoảng 5.940,3 tỷ đồng gồm:

- + Năm 2021 đóng điện 10 công trình 110 kV với tổng công suất 630 MVA và 50,76 km dây dẫn (năng lực tăng thêm là 527 MVA và 50,76 km dây dẫn)
- + Năm 2022 đóng điện 9 công trình 110 kV với tổng công suất 584 MVA và 41,3 km dây dẫn (năng lực tăng thêm là 544 MVA và 27,54 km dây dẫn)
- + Năm 2023 dự kiến đóng điện 8 công trình 110 kV với tổng công suất 349 MVA và 40,94 km dây dẫn.
- + Năm 2024 dự kiến đóng điện 10 công trình 110 kV với tổng công suất 819 MVA và 54,4 km dây dẫn.
- + Năm 2025 dự kiến đóng điện 8 công trình 110 kV với tổng công suất 189 MVA và 123,5 km dây dẫn.

c. Lưới điện trung áp, hạ áp:

Dự kiến giá trị khối lượng thực hiện phân trung, hạ áp trong kỳ ước khoảng 12.313 tỷ đồng. Mục tiêu phân đầu:

- Giảm thấp nhất thời gian mất điện, linh hoạt phương án cấp điện cho phụ tải, đường dây theo hướng tăng cường đa chia – đa nối, thiết bị điều khiển xa.
- Khai thác tải xuất tuyến trung thế của các TBA 110kV.
- Phân đầu giảm bán kính cấp điện: lưới điện trung áp $\leq 20\text{km}$; lưới điện hạ áp khu vực nội thành, đô thị, trung tâm, thị trấn, thị tứ $\leq 250\text{m}$; lưới điện hạ áp các khu vực còn lại $\leq 600\text{m}$.

d. Đầu tư khác: Thực hiện các dự án hiện đại hóa lưới điện, chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động SXKD, xây dựng một số công trình kiến trúc, các dự án viễn thông dùng riêng, mua sắm tài sản với giá trị 2.565,4 tỷ đồng.

2.1.2 Nhu cầu vốn đầu tư thuần dự kiến

Bảng 21. Dự kiến khối lượng đầu tư thuần

	Nhu cầu đầu tư thuần (tỷ đồng)	Tổng cộng	2021	2022	2023	2024	2025
		23.156	4.339,6	4.564,1	4.230,7	4.787	5.255
1	Lưới điện 220kV	2.358,1	38	44,5	124,1	942,8	1.208,7
2	Lưới điện 110kV	5.930,0	1.315,8	1.229,0	1.013,5	1.370,8	1.011,1
3	Lưới điện phân phối trung, hạ thế	12.313,0	2.363,4	2.897,7	2.528,8	2.054,9	2.468,2
4	Đầu tư khác	2.555,3	622,4	393,2	564,3	418,5	567,0

2.2 Công tác sửa chữa lớn

- Công tác xây dựng và lập kế hoạch sửa chữa lớn của Tổng công ty cho các đơn vị thực hiện tuân thủ theo các quy trình, quy định, định mức quyết định giao kế hoạch của Tập đoàn và các quy định hiện hành của Tổng công ty, cụ thể:

+ Căn cứ quy định sử dụng chi phí SCL của EVN, hạn mức chi phí SCL của năm tương ứng, theo đó EVN dự kiến giao chi phí SCL của năm N cho EVNHANOI trên cơ sở nguyên giá TSCĐ năm N-3 (không bao gồm tài sản đánh giá lại) x 2,7%.

+ Trên cơ sở tổng hợp các công trình lưới điện đưa vào vận hành và tài sản khách hàng bàn giao cho EVNHANOI trong giai đoạn 2021-2025;

+ Giả định chi phí SCL thực hiện theo định mức tiết kiệm 7,5%.

- Chi phí sửa chữa lớn của EVNHANOI trong giai đoạn 2021-2025 dự kiến như sau:

Bảng 22. Dự kiến chi phí SCL

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Chi phí SCL (tỷ đồng)	648,940	578,339	667,430	1.110,314	1.217,185

3. Kế hoạch tài chính

3.1 Nhiệm vụ, chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2023-2025

Trong giai đoạn 2023-2025, Tổng công ty đề xuất EVN giao giá bán điện nội bộ cho Tổng công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh điện có lãi với lợi nhuận 3% vốn Nhà nước trước thuế.

3.1.1 Về doanh thu

- Sản lượng điện thương phẩm dự kiến tăng bình quân 5,7%/năm (theo phương án cơ sở) và 7,2% (theo phương án cao).

- Giá bán điện thương phẩm: Hiện nay giá bán điện thương phẩm chưa được điều chỉnh theo cơ chế thị trường, phụ thuộc vào lộ trình tăng giá điện của Chính phủ. Giá bán thương phẩm bình quân dự kiến tăng 0,22%/năm.

Với những giả thiết như trên, doanh thu bán điện của Tổng công ty mỗi năm tăng bình quân 5,9% (theo phương án cơ sở) và 7,4% (theo phương án cao).

3.1.2 Về chi phí

* **Chi phí mua điện:** (bao gồm chi phí điện mua nội bộ, chi phí điện mua thị trường và chi phí điện mua mặt trời) chiếm tỷ trọng cao (khoảng gần 80%) trong tổng chi phí. Trong những năm tới, Tổng Công ty vẫn chủ yếu mua điện từ EVN nên giá bán điện nội bộ của EVN cho Tổng công ty có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

* **Chi phí phân phối:** giai đoạn 2023-2025 được tính toán trên cơ sở các nguyên tắc như sau:

- Chi phí tiền lương và các khoản chế độ trích theo nguyên tắc:

+ Chi phí tiền lương kế hoạch được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 26/TT-BLĐTBXH và Quyết định số 96/QĐ-EVN. Năm 2022 do ảnh hưởng yếu tố khách quan, tình hình tài chính của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, do đó tiền lương bình quân ước thực hiện năm 2022 bằng 95% tiền lương thực hiện năm 2021. Để đảm bảo tiền lương cho người lao động, kế hoạch tiền lương năm 2023 được xây dựng trên cơ sở mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2021 và tốc độ tăng tiền lương bằng 0,5 tốc độ tăng năng suất lao động ($H_{NS} = 0,5$). Kế hoạch tiền lương giai đoạn 2024-2025 được xác định trên nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương bằng 0,5 tốc độ tăng năng suất lao động ($H_{NS} = 0,5$).

+ Các chế độ khác đối với người lao động: Chi phí bảo hiểm và kinh phí công đoàn tính trên mức lương cơ sở EVN, chi phí ăn ca tính theo định mức 730.000 đồng/người/tháng.

- Các chi phí theo định mức (bao gồm chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, khác bằng tiền, phát triển khách hàng, chăm sóc khách hàng và truyền thông) Tổng Công ty áp dụng theo định mức chi phí Tập đoàn giao tại quyết định số 153/QĐ-HĐTV ngày 28/7/2020 về việc giao định mức vật tư, chi phí khâu phân phối – bản lẻ điện và tạm áp dụng tỷ lệ tiết kiệm 10%.

- Chi phí công tơ được tính toán dựa trên số dư chi phí công tơ còn phải phân bổ tại ngày 31/12/2022 chuyển sang cộng (+) chi phí phân bổ công tơ dự kiến mua mới giai đoạn 2023-2025 phục vụ phát triển khách hàng và thay thế các công tơ cháy hỏng của Tổng công ty cộng (+) các chi phí kiểm định, vận hành hệ thống thu thập dữ liệu đo xa.

- Chi phí sửa chữa lớn: được tính trên cơ sở 2,7% nguyên giá TSCĐ năm N-3 (nguyên giá TSCĐ không bao gồm phần tăng thêm do đánh giá lại tài sản) và tạm áp dụng tỷ lệ tiết kiệm 10%.

- Chi phí khấu hao: được tính toán trên cơ sở tài sản hiện có đến ngày 31/12/2022

và kế hoạch tăng tài sản năm 2023-2025.

- Chi phí lãi vay: được tính toán trên cơ sở số dư các hợp đồng hiện hữu tại ngày 31/12/2022 (+) dư vay tăng thêm do giải ngân các công trình đầu tư xây dựng đã hoàn thành (-) trả nợ gốc trong kỳ và lãi suất dự kiến như sau:

Vay nội tệ:

* Đối với hợp đồng hiện hữu: Lãi vay cơ sở và biên độ lãi suất tính theo hợp đồng vay đã ký, trong đó lãi suất cơ sở là bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 04 ngân hàng VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank theo điều khoản hợp đồng đã ký.

* Đối với vay mới:

** Áp dụng lãi suất 5,96% đối với vay tín dụng ưu đãi theo điều khoản về lãi suất cho vay trong các hợp đồng đã ký với Quỹ Đầu tư Phát triển TP Hà Nội.

** Đối với các khoản vay tín dụng thương mại trong nước: Lãi suất cơ sở bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của 04 ngân hàng VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank + biên độ. Năm 2023-2025 dự kiến lãi suất cơ sở là 7,8%, biên độ là 3,0%/năm.

Vay ngoại tệ:

* Đối với hợp đồng hiện hữu:

** Loại hợp đồng theo lãi suất cố định: Căn cứ lãi suất theo hợp đồng vay đã ký.

** Loại hợp đồng theo lãi suất thả nổi: Căn cứ vào lãi suất trên thông báo trả gốc lãi kỳ gần nhất của ngân hàng.

- Các khoản tăng giảm giá thành điện:

+ Chênh lệch tỷ giá thực hiện và đánh giá cuối kỳ được tính toán trên cơ sở dư nợ các khoản vay ngoại tệ ngày 31/12/2022, dự kiến số giải ngân và trả nợ gốc vay các khoản vay ngoại tệ phát sinh trong năm 2023-2025 trên cơ sở tỷ giá tăng bình quân 1%/năm.

+ Hoạt động cho thuê cột điện: Năm 2023-2025, Tổng công dự kiến sẽ phải sử dụng một phần doanh thu để thực hiện chi phí tiền lương cho CBCNV thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động cho thuê cột điện và thực hiện chỉnh trang thanh thải cáp viễn thông để đảm bảo việc đáp ứng kịp thời các kiến nghị của cử tri cũng như yêu cầu của các Quận, Huyện.

+ Hoạt động thanh lý nhượng bán TSCĐ, VTTH: Tổng công ty lập kế hoạch lợi nhuận hoạt động thanh lý phù hợp với tình hình thực tế thực hiện và góp phần giảm giá thành phân phối của Tổng công ty.

- Chi phí phát sinh ngoài định mức thực tế Tổng công ty phải thực hiện:

+ Chi phí công tơ dừng phân bổ năm 2022 để cân đối tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, ghi nhận bổ sung vào năm 2023.

+ Chi phí định mức phát sinh do chuyển đổi chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương, ăn ca, chi phí khấu hao và chi phí sửa chữa lớn của Công ty Thí nghiệm điện Điện lực Hà Nội do chuyển đổi mô hình Công ty Thí nghiệm điện Điện lực Hà Nội sang hoạt động dịch vụ từ năm 2022 theo Nghị quyết số 127/NQ-HĐTV ngày 24/9/2021 tương ứng chi phí định mức tăng thêm.

+ Chi phí đảm bảo điện phát sinh do Thành phố Hà Nội là địa điểm đặc thù so với các Tổng công ty phân phối khác, là nơi thường xuyên diễn ra các sự kiện chính trị như Đại hội đại biểu toàn Quốc, các kỳ họp quốc hội (8 điểm đảm bảo điện: 5bộ UPS+MF), các sự kiện Hội nghị quốc tế...

+ Chi phí thuê vận hành hệ thống, thẻ thành viên tích điểm Epoint triển khai từ năm 2020 và một số chi phí khác theo yêu cầu của EVN.

3.1.3 Kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính

Trong giai đoạn 2023-2025, mặc dù chịu áp lực về đầu tư lớn cho lưới điện Thủ đô tuy nhiên Tổng công ty nỗ lực áp dụng các giải pháp để đảm bảo tài chính nhằm phấn đấu đạt các chỉ tiêu tài chính:

- + Hệ số bảo toàn vốn: ≥ 1
- + Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: ≤ 3
- + Hệ số nợ phải trả/vốn điều lệ: ≤ 3
- + Hệ số thanh toán ngắn hạn: > 1

3.2 Cân bằng tài chính giai đoạn 2023-2025

Trong giai đoạn 2023 - 2025, tổng nhu cầu vốn thực hiện đầu tư là 21.718,4 tỷ đồng, trong đó:

- | | |
|--------------------|------------------|
| + Trả nợ gốc, lãi: | 7.445,6 tỷ đồng |
| + Đầu tư thuần: | 14.272,8 tỷ đồng |

Chi tiết đầu tư thuần theo nguồn vốn cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------------|
| + Vốn tự có: | 6.076,5 tỷ đồng |
| + Vay ODA: | 647,9 tỷ đồng |
| + Vay ưu đãi trong nước: | 193,8 tỷ đồng |
| + Vay thương mại trong nước: | 7.354,6 tỷ đồng |

Trước những khó khăn trong công tác huy động vốn trong nước, sau khi được tổ chức Fitch Rating đánh giá xếp hạng tín nhiệm đạt BB, EVNHANOI trong giai đoạn sắp tới sẽ tận dụng lợi thế này để làm việc với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để tăng hạn mức cho vay, đặc biệt là các khoản vay không qua bảo lãnh Chính phủ. Với nỗ lực đa dạng hóa các nguồn huy động vốn tiềm năng, kết hợp cùng với việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Tổng công ty phấn đấu thu xếp đủ vốn cho công tác đầu tư xây dựng, đảm bảo cân bằng tài chính của Tổng công ty.

3.3 Kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn

Căn cứ Nghị quyết số 256/NQ-HĐTV ngày 15/5/2019 của Chủ tịch HĐTV EVN về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục chuyển nhượng vốn của các Tổng công ty Điện lực tại doanh nghiệp có vốn góp giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Công văn số 2769/EVN-QLV ngày 30/5/2019 về việc điều chỉnh danh mục chuyển nhượng vốn của EVNHANOI tại doanh nghiệp có vốn góp giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ văn bản 16/EVNHANOI-HĐTV ngày 11/02/2020 của EVNHANOI kiến nghị EVN phê duyệt đưa Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện lực Hà Nội ra khỏi danh mục thoái vốn của EVNHANOI.

EVNHANOI đã xây dựng lộ trình thoái vốn, giảm vốn giai đoạn 2021-2025 và báo cáo EVN tại các văn bản số 25/EVNHANOI-HĐTV ngày 27/02/2020 về việc kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu EVNHANOI giai đoạn 2021-2025; văn bản số 151/EVNHANOI-KH ngày 10/06/2021 về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD – đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 lần thứ 4. Cụ thể như sau:

Bảng 22. Kế hoạch thoái vốn giai đoạn 2023-2025

TT	Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp của TCT		Thời gian dự kiến thoái vốn
			Vốn thực góp đến 31/12/2020 (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)	
1	Công ty CP EVN Quốc tế	366,8	7,2	1,96	Thoái vốn theo chỉ đạo chung của EVN
2	CTCP Đầu tư xây dựng và Phát triển điện lực Hà Nội	6,0	3,1	51,36	Năm 2025
3	Công ty CP Tư vấn xây dựng điện lực Hà Nội	6,3	1,3	20,00	Đề nghị được tiếp tục đầu tư

4. Kế hoạch sử dụng và nâng cao năng suất lao động

Tổng công ty xây dựng kế hoạch sử dụng lao động và năng suất lao động giai đoạn 2023-2025 như sau:

4.1 Kế hoạch sử dụng lao động & năng suất lao động

Bảng 23. Kế hoạch năng suất lao động

Nội dung	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025
Kế hoạch lao động SXKD điện (người)	6.577	6.516	6.549	6.539	6.549
Sản lượng điện thương phẩm (Triệu kWh)	20.675	22.250	22.850	24.779	26.241
Số lượng khách hàng (KH)	2.736.944	2.800.847	2.858.700	2.916.900	2.980.000
NSLĐ theo điện thương phẩm (tr kWh/người/năm)	3,14	3,41	3,49	3,79	4,01
NSLĐ theo khách hàng (KH/người/năm)	416	430	437	446	455

* Năng suất lao động theo thương phẩm tính theo điện năng thương phẩm phương án cơ sở.

4.2 Kế hoạch tiền lương SX điện

- Căn cứ Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-EVN ngày 26/3/2018;

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch sử dụng lao động, Tổng công ty xây dựng kế hoạch tiền lương trên nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương bằng tốc độ tăng năng suất lao động. Kế hoạch tiền lương và chi phí liên quan đến người lao động giai đoạn 2023-2025 được xác định như sau:

Bảng 24. Kế hoạch chi phí tiền lương giai đoạn 2023-2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025
I	Tổng quỹ tiền lương & BHXH	Tỷ đồng	1.851,92	1.745,02	1.867,54	1.937,16	1.990,54
1	Quỹ tiền lương & ATĐ	Tỷ đồng	1.674,86	1.569,76	1.685,99	1.755,88	1.808,99
1.1	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	1.548,71	1.453,38	1.558,98	1.623,63	1.672,75
1.2	Quỹ ATĐ	Tỷ	126,15	116,38	127,01	132,25	136,24

		đồng					
2	BHXX, BHYT, CĐ	Tỷ đồng	177,06	175,26	181,55	181,28	181,55
II	Tiền ăn ca	Tỷ đồng	56,62	55,83	57,52	57,43	57,52
III	Trợ cấp nghỉ hưu sớm	Tỷ đồng	2	1,70	2	2	2

IV. Đề xuất, kiến nghị

Tổng công ty kính đề nghị EVN xem xét phê duyệt:

- Giao chỉ tiêu kế hoạch và chi phí phân phối giai đoạn 2023-2025 phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Phê duyệt tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu và quy mô sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo của Tổng công ty Điện lực TP. Hà Nội về kết quả thực hiện kế hoạch 2022; các chỉ tiêu kế hoạch đã được cập nhật giai đoạn 2021-2025 và các đề xuất kiến nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề b/cáo);
- HĐTV, BTGD;
- Các ban chức năng;
- Lưu: VT, KH.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn